

TÍN NGƯỠNG THỜ CÁ ÔNG của cư dân Cần Giờ

NGUYỄN MINH NGUYỆT

Tín ngưỡng thờ cá Ông là một loại hình sinh hoạt văn hóa tinh thần đặc sắc và độc đáo của cư dân huyện Cần Giờ do những di dân người Kinh từ miền Trung đem vào. Trải qua quá trình tiếp biến văn hóa, bên cạnh nét tương đồng với tín ngưỡng thờ cá Ông của các địa phương khác về đối tượng thờ cúng thì tín ngưỡng thờ cá Ông ở Cần Giờ còn có những nét riêng từ việc hình thành tín ngưỡng, về nghi thức cúng, đến các hoạt động nghệ thuật và trò chơi dân gian, từ đó tạo nên một lễ hội, một loại hình tín ngưỡng mang nét riêng của vùng đất Cần Giờ. Thông qua nghiên cứu tín ngưỡng thờ cá Ông ở Cần Giờ, chúng ta hiểu rõ hơn về lịch sử của một vùng đất hào hùng, về đời sống và phẩm chất của những con người mưu sinh nơi đầu sóng ngọn gió lấy biển làm kế sinh nhai, cũng như phản ánh sự ảnh hưởng của biển đến mọi mặt đời sống của người dân ở đây, qua đó cho thấy sự tác động qua lại giữa tín ngưỡng với hoạt động mưu sinh. Quan trọng hơn hết đó là ý thức của người dân đối với việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc, cũng như bảo vệ chủ quyền lãnh hải của quốc gia.

1. Sơ lược về huyện Cần Giờ

Cần Giờ là huyện ngoại thành của Thành phố Hồ Chí Minh, cách trung tâm thành phố khoảng 50 km về phía đông nam. Phía bắc và đông bắc giáp tỉnh Đồng Nai, phía tây bắc là huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, phía tây và tây nam giáp hai tỉnh Long An và Tiền Giang, phía nam là biển Đông. Vị trí địa lý của Cần Giờ khá đặc biệt, đó là vùng cửa sông - vịnh biển, là "mặt tiền" của lưu vực Đồng Nai rộng lớn, lại là "trạm trung chuyển" giữa hai miền lưu vực sông Vàm Cỏ - sông Đồng Nai hay giữa hai vùng Tây Nam Bộ - Đông Nam Bộ. Vì vậy mới có câu ca dao "Nhà Bè nước chảy chia hai - Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về".

Về nguồn gốc tên gọi Cần Giờ thì theo một câu chuyện kể rằng, vào những năm giữa thế kỷ XVII, tàu lớn muốn vào cửa Cần Giờ thì phải đợi con nước thủy triều lên xuống, mà muốn đợi thì phải có thì giờ. Nhưng cũng có chuyện kể rằng: năm xưa khi Nguyễn Ánh trên đường bôn tẩu vì bị quân Tây Sơn đánh đuổi đã chạy đến vùng đất Cần Giờ này. Ở đây người

dân chài thường nhắm giờ theo hai chòm sao Nam Tào và Bắc Đẩu để ra khơi, trong khi đó Nguyễn Ánh cần có thời gian chính xác để họp hội. Vì thế, ông đã tạo ra chiếc đồng hồ bằng cách dùng cái lu nước và đục một lỗ nhỏ thoát nước, trên có gác một cái cần treo cây thước đã vạch sẵn những múi giờ rồi canh theo mực nước hạ xuống mà lấy mốc thời gian để hội họp. Sau này khi đã giành được quyền bính, lên ngôi vua lấy hiệu là Gia Long, ông đã đặt tên cho vùng đất này là Cần Giờ.

Theo các tài liệu của ngành địa chất lịch sử thì địa bàn huyện Cần Giờ mới nổi lên mặt biển chưa quá 3.500 năm. Trong thời kỳ từ thế kỷ I đến thế kỷ XVII, chỉ có tác phẩm *Chân Lạp phong thổ ký* của Châu Đạt Quan vào năm 1296 mô tả đoạn đường qua vùng biển Cần Giờ chỉ thấy toàn là cây mây cao vút, cổ thụ, cát vàng, lau sậy trắng. Sau này, trong *Phủ biên tạp lục* viết xong vào năm 1776, Lê Quý Đôn cũng nói như vậy: "Đất Đồng Nai thuộc phủ Gia Định, từ các cửa biển lớn và nhỏ của cửa Cần Giờ, cửa Soài Rạp đi vào (tức địa bàn huyện Cần Giờ ngày nay), toàn là những đám

rừng hoang vu cỏ rậm, mỗi đám rừng có thể rộng hơn nghìn dặm". Đến năm 1698, khi Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý miền Nam để đặt phủ huyện thì địa bàn huyện Cần Giờ khi ấy thuộc phủ Gia Định, dinh Phiên Trấn, huyện Tân Bình. Buổi đầu dân cư thưa thớt, huyện chưa chia ra tổng. Đến khi dân cư trù mật mới lập tổng.

Theo ghi chép của Lê Quý Đôn thì từ thế kỷ XVII của Cần Giờ đã trở thành quan trọng cả về mặt thương nghiệp lẫn quân sự. Đến năm 1819, khi Trịnh Hoài Đức viết xong *Gia Định thành thông chí* đã cho ta biết thêm về địa danh huyện Cần Giờ như sau: Cần Giờ thuộc tổng Dương Hòa, tổng Dương Hòa có 74 xã thôn phường ấp, phía đông giáp biển, phía tây giáp Cao Miên, phía bắc giáp sông cái Phước Bình (sông Lòng Tàu). Đến năm 1871, Pháp phân ranh lại toàn bộ Nam Kỳ, địa bàn huyện Cần Giờ nằm trong hạt Sài Gòn. Cuối những năm 1920, địa bàn Cần Giờ với tên gọi là huyện Nhà Bè được chia ra:

Tổng An Thیت⁽¹⁾ gồm 3 làng: Bình Khánh, An Thới Đông, Tam Hiệp.

Tổng Cần Giờ gồm 5 làng: Lý Nhơn, Tân Thạnh, Cần Thạnh, Đồng Hòa, Long Thạnh.

Ngày 10-3-1947, Pháp tách tổng An Thít lẫn tổng Cần Giờ từ tỉnh Gia Định cho sang thị xã Ô Cáp để thiết lập một tỉnh mới lấy tên tỉnh là Cap Saint Jacques (nay là Vũng Tàu). Ngày 22-10-1956, hai tổng An Thít và Cần Giờ hợp thành quận Cần Giờ nằm trong tỉnh Phước Tuy, Biên Hòa. Ngày 17-1-1960, quận Cần Giờ được chuyển về tỉnh Gia Định như cũ với tên là Duyên Hải thuộc tỉnh Đồng Nai. Ngày 27-2-1978 huyện Duyên Hải được sáp nhập vào Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 18-12-1991 huyện Duyên Hải được lấy lại tên truyền thống là Cần Giờ và được giữ cho đến nay, bao gồm các xã: Thạnh An, Long Hòa, Lý Nhơn, Tam Thôn Hiệp, An Thới Đông, Bình Khánh và thị trấn Cần Thạnh.

Theo báo cáo của UBND huyện Cần Giờ, dân số trên toàn địa bàn huyện tính đến tháng 9 năm 2014 là 74.047 người, trong đó người Kinh là 73160 người, người Hoa là 330 người

chủ yếu cư trú ở ấp Đồng Hòa xã Long Hòa, người Khmer là 113 người cư trú ở xã Bình Khánh, người Chăm là 52 người cư trú ở Bình Khánh, còn lại là người Mường, Thái, Nùng, Tày, Gia Rai.

Do được bao quanh bởi sông ngòi chằng chịt và biển nên theo các tài liệu ghi chép còn lưu lại thì ngư nghiệp là nghề truyền thống lâu đời nhất của Cần Giờ. Về hình thức đánh cá biển ở Cần Giờ gồm có các loại: đánh cá bằng lưới đăng⁽²⁾, đánh cá bằng đáy hàng⁽³⁾, đánh cá bằng cách tung lưới, đánh cá bằng nỏ⁽⁴⁾, đánh cá bằng rung⁽⁵⁾, đánh cá bằng xít⁽⁶⁾, đánh cá bằng cầu ông⁽⁷⁾. Sản lượng đánh bắt thủy sản trong năm 2014 đạt 46000 tấn. Theo số liệu thống kê, Cần Giờ hiện có 4.932 ha nuôi tôm, 1.966 ha sản xuất muối và 1.581 ha nuôi trồng thủy đặc sản. Ngành thủy sản vẫn được xác định là ngành kinh tế chủ lực của huyện với mức tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân 10,1%/năm và chiếm tỷ trọng 95,5% tổng giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp⁽⁸⁾.

2. Tín ngưỡng thờ cá Ông

2.1. Đối tượng thờ cúng, tên gọi và nguồn gốc của tín ngưỡng

Theo Trịnh Hoài Đức trong *Gia Định thành thông chí*, đối tượng được người dân Cần Giờ thờ cúng đó là Nam Hải Tướng quân. Thần này là cá ông voi, không vây, đầu tròn trơn, đỉnh đầu có lỗ hồng phun nước ra như mưa, môi voi, đuôi tôm, dài đến 2,3 trượng, hay nhảy nhót ở mặt biển. Ngoài ra, vào năm 1822, khi John Crawford nhân danh triều đình Anh sang Việt Nam để điều đình việc giao thương, khi đi ngang qua Cần Giờ có ghi chép lại rằng nơi đây có ngôi đền thờ một loại cá khổng lồ, cá này được coi như thần thành hoàng làng và như thần phù hộ cho dân chài ở Cần Giờ và miền phụ cận. Qua đó có thể chứng minh cá voi hay còn gọi là cá Ông là đối tượng được người dân ở Cần Giờ thờ cúng từ rất lâu đời.

Qua phân tích thì bộ xương cá voi ở Cần Giờ thuộc nhóm cá voi khổng lồ có hai lỗ phun nước (loại cá mà Trịnh Hoài Đức cho là "tánh từ thiện biết cứu trợ người"), là loài cá voi hiền lành ăn qua tấm lược hàm chứ không phải răng,

chủ yếu hút ăn các sinh vật biển nhỏ giống như tôm, và đã được phục dựng trưng bày cho khách tham quan chiêm ngưỡng tại Lăng Ông ở thị trấn Cần Thạnh. Bộ xương cá Voi ở Lăng Ông Thủy Tướng huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, cá lụy vào năm 1971, đến năm 2001, Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh phục dựng lại bộ khung xương (dựa theo tư liệu hình ảnh của bộ xương cá Ông ở Viện Hải dương học Nha Trang) cũng là cá voi lưng xám, dài 12 m, được ngư dân thờ cho tới ngày nay. Theo quan niệm dân gian, cá voi thường được gọi là cá Ông, ngoài ra còn được gọi với các tên khác như: ông Nam Hải, ông Chuông, ông Khơi (*chỉ cá Voi sống ngoài biển khơi*), ông Lộng (*chỉ cá Voi sống gần bờ*), ông Lớn, ông Cậu, ông Lược, ông Sanh, ông Chuông, ông Máng...

Đối với nguồn gốc của tín ngưỡng thờ cá Ông tại Cần Giờ, bên cạnh các truyền thuyết cá Ông là tiền thân của đức Quan Thế Âm Bồ Tát đã có lần hóa thân để cứu khổ chúng sinh hay cá Ông đã cứu Nguyễn Ánh thoát nạn trong lúc bị nghĩa quân Tây Sơn truy đuổi nên được gia tặng "Nam Hải Cự tộc Ngọc Lâm Tôn thần", thì truyền thuyết về cá Ông được lưu truyền phổ biến hiện nay là "ngày 16 tháng 8 âm lịch, do cá Ông sao lãng nhiệm vụ đã để chìm một chiếc ghe làm chết nhiều người trong một cơn bão, nên cá Ông bị Long Vương Thủy Tề trừng phạt, cho cá Đao chém làm ba khúc, xác tấp vào Thắng Tam (Vũng Tàu), Phước Tỉnh (Long Đất) và Cần Thạnh (Cần Giờ), mỗi làng thỉnh một bộ phận thi thể cá Ông về thờ cúng. Từ đó lấy ngày 16 tháng 8 âm lịch hàng năm làm ngày lễ Ông". Bên cạnh đó, những câu chuyện truyền miệng kể về cá Ông cứu vớt ngư dân gặp nạn trên biển càng làm cho truyền thuyết về loài cá Ông trở nên đặc sắc, thậm chí ngư dân còn kể cho nhau về sự khác biệt về hình dáng cá Ông tại Cần Giờ với cá Ông ở các vùng khác, đó là cá Ông tại vùng biển Cần Giờ không có vây trên lưng mà trơn láng, đen bóng, hai bên thân có lòng máng để nâng tàu thuyền lên mặt nước khi gặp bão tố ngoài khơi.

Theo Trịnh Hoài Đức thì vai trò của thần Nam Hải ban đầu là giúp ngư phủ, về sau, ngoài những người đi đánh cá, còn có những

người đi trên thuyền "các đội trường đò (thuyền chở lương nhà nước) thờ phụng" thần. Về sau tín ngưỡng này còn được tiếp thu bởi một số lưu dân người Hoa sinh sống bằng nghề đánh cá ở cửa biển Đồng Tranh. Cho đến hiện nay, ngoài đại đa số là người Việt tham gia thờ cúng cá Ông còn có sự tham gia của một bộ phận người Hoa, không chỉ có những người sinh sống bằng nghề đánh bắt cá thờ cúng mà hầu như tuyệt đại đa số cư dân Cần Giờ hoạt động trong tất cả các ngành nghề đều tham gia thờ cúng và xem đây là tết năm mới thứ hai của cư dân nơi này.

Về lăng cá Ông, tiền thân của lăng Ông Thủy Tướng huyện Cần Giờ hiện nay là miếu Hải Thần vì theo *Gia Định thành thông chí* ghi chép: "Miếu Thần biển Cần Giờ ở phía đông thú sở, thờ thần Nam Hải cho hà bá thủy quan Ngọc Lâm tôn thần hai sông Phúc Bình phối hưởng, rường vẽ xà chạm, văn thái nghiêm chỉnh, hàng năm tháng mạnh xuân, trấn quan đem cỗ thái lao tế cầu thuận gió. Cho thuyền chở tiền kinh đi về thuận lợi (Trịnh Hoài Đức 1972: 181). Đến năm 1905, lăng Ông Thủy Tướng bị một cơn bão tàn phá và người dân đã di dời đến vị trí gần đó. Năm 1952, thực hiện tiêu thổ kháng chiến, lăng Ông Thủy Tướng di dời về vị trí hiện nay, về sau do bị chiến tranh tàn phá, đến năm 1968 lăng được trùng tu lại. Kiến trúc lăng hiện nay theo kiểu nhà vuông tứ trụ 2 gian 2 chái, cổng chính lăng hướng đông bắc. Bên phải là phòng khách trưng bày bộ hài cốt cá Ông hay gọi là "Ngọc cốt" dài 12 m, còn hai bên vách trưng bày những hình ảnh của lễ hội Nghinh Ông diễn ra hàng năm. Bên trong chính điện, ngoài thờ Ông Nam Hải ra còn phối thờ Thủy Long Thần Nữ, Tiêu Diện Đại Sĩ, Quan Thánh Đế Quân, Tử Vinh Lục Đạo (tức 10 loại oan hồn), Tam Thập Lục Bộ (tức 36 bộ oan hồn), Tiền Bối Chư Vị và Hậu Bối Chư Vị.

Tên gọi chính thức được sử dụng rộng rãi khi nói đến tín ngưỡng thờ cúng cá Ông ở Cần Giờ cho đến nay là Lễ hội nghinh Ông huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, ngư dân Cần Giờ còn dùng nhiều tên khác như: Lễ hội cầu ngư, Lễ hội truyền thống ngư dân

Cần Giờ, Lễ Nghinh Ông Thủy Tướng... Những tên gọi dân gian này phần nào đã phản ánh rõ nội dung, tính chất của hoạt động tín ngưỡng, đó là nhằm đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng tâm linh và hoạt động vui chơi, giao lưu, gặp gỡ của ngư dân vùng biển. Chính vì lẽ đó, mà người dân Cần Giờ có câu nói:

"Dù ai đi ngược về xuôi

Tháng tám âm lịch nhớ về cúng Ông".

2.2 Hoạt động của tín ngưỡng

2.2.1 Thời gian tổ chức

Theo phong tục tổ chức lễ cúng Ông ở các nơi, thì ngày cúng Ông được tiến hành vào ngày mà người dân bắt gặp xác Ông lụy (tức cá Ông chết) bên bờ biển. Ở Cần Giờ, ban đầu lễ hội được diễn ra vào khoảng *trung tuần của tháng ba âm lịch*, nhưng do điều kiện đánh bắt của ngư dân vào thời điểm đó gặp rất nhiều khó khăn (vì vào tháng ba âm lịch, biển Cần Giờ có rất nhiều sứa biển nên khó khăn trong đánh bắt cá), ngày lễ cúng lại dựa trên sự đóng góp của nhiều ngư dân, nên đến năm 1914, Vạn trưởng lúc bấy giờ là ông Trương Bá Tổ đã cho dời ngày lễ này vào *ngày rằm tháng tám*.

Bên cạnh đó cũng có nguồn giải thích rằng do truyền thuyết vào ngày ngày 16 tháng 8 âm lịch, vì cá Ông sao lãng nhiệm vụ, để chìm một chiếc ghe làm chết nhiều người trong một cơn bão, nên bị Long Vương Thủy Tề trừng phạt, như đã đề cập ở trên. Từ đó lấy ngày 16 tháng 8 âm lịch hàng năm làm ngày lễ Ông. Hay cũng có ý kiến cho rằng cúng ngày này vì đây là ngày rằm tháng 8, ngày nước lên cao nhất, tôm cá nhiều nhất và ông Thủy tướng chắc chắn sẽ về trong ngày này.

Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình đánh bắt thủy sản ở Cần Giờ thì trong khoảng thời gian từ tháng tư đến tháng tám âm lịch, ngư dân đánh bắt rất được mùa, vì vậy, họ quyết định kết hợp giữa ngày mừng một mùa đánh bắt bội thu với tổ chức cho các em thiếu nhi có một cái tết trung thu, từ đó có lễ hội Nghinh Ông trùng với Tết Trung thu mà chúng ta đã biết. Điều này cũng cho thấy điểm khác biệt đầu tiên giữa lễ hội Nghinh Ông của huyện Cần Giờ với các nơi có lễ hội Nghinh Ông khác, đó

là thời gian tổ chức lễ hội, từ đó góp phần tạo nên một lễ hội Nghinh Ông mang nét riêng của Cần Giờ bên cạnh những nét tương đồng khác.

2.2.2 Các hoạt động liên quan

Lễ hội Nghinh Ông huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh được diễn ra trong ba ngày là 15-16 và 17 tháng 8 âm lịch hàng năm.

Ngày 15 tháng 8 là ngày bắt đầu của lễ hội, bao gồm các nghi lễ sau: lễ viếng nghĩa trang liệt sĩ Rừng Sác, lễ thượng kỳ, lễ mừng công ngư dân huyện Cần Giờ, lễ cúng bái cũ lái xưa và lễ cầu an. Trong các nghi lễ này, thì lễ viếng nghĩa trang liệt sĩ Rừng Sác và lễ cầu an thả hoa đăng là hai nghi lễ mới mà người dân Cần Giờ đã sáng tạo thêm do ảnh hưởng của bối cảnh xã hội ngày nay. Bởi, người dân Cần Giờ nói riêng và vùng đất Sài Gòn nói chung có được cuộc sống ấm no hạnh phúc như ngày nay đó là nhờ sự hy sinh anh dũng của biết bao người chiến sĩ cộng sản tại chiến khu Rừng Sác này. Vì vậy, lãnh đạo và nhân dân huyện Cần Giờ đã lồng ghép lễ viếng liệt sĩ Rừng Sác vào thành một phần trong nội dung của lễ hội Nghinh Ông, nhằm ghi nhớ công ơn của các chiến sĩ, những người đã vì đất nước quên thân, và để cảm ơn các anh đã cho người dân Cần Giờ có được một lễ hội an bình thắng lợi như hiện nay. Đồng thời qua đó giáo dục truyền thống uống nước nhớ nguồn đến thế hệ mai sau. Lễ viếng này là một nét riêng biệt thứ hai của lễ hội Nghinh Ông huyện Cần Giờ so với lễ hội Nghinh Ông ở các nơi khác, nơi chỉ diễn ra các hoạt động mang tính chất tín ngưỡng dân gian đơn thuần.

Đến thời điểm 0 giờ ngày 16 tháng 8 âm lịch, là thời gian mà theo phong thủy là khoảng khắc giao thời, khi mà khí âm kết thúc, khí dương bùng sáng, là thời điểm tốt nhất trong ngày, người ta làm heo để tế Thần gọi là Tế mao huyết. Sau khi lễ Tế mao huyết kết thúc thì người dân bắt đầu vào dâng lễ vật cúng Ông với tám lòng thành kính nhằm cầu nguyện mọi điều tốt đẹp. Trên tuyến đường có đoàn nghinh đi qua, ngư dân lập bàn hương án trước nhà với lễ vật gồm nhang đèn, hoa quả, gạo, muối, rượu trà (có khi có bài vị) để cúng Ông.

Còn các ghe tàu đánh bắt tại địa phương từ vài ngày trước đã tề tựu đông đủ, họ tiến hành dọn dẹp sạch sẽ tàu thuyền và giăng đèn, kết hoa, treo cờ màu sắc rực rỡ, trước thuyền bày mâm lễ vật để ra khơi cúng Ông. Vì Ông và binh lính của Ông có nguồn gốc từ động vật biển nên lễ vật ngư dân cúng tế thường là gà, vịt, đầu heo, heo quay, đặc biệt không bao giờ cúng Ông bằng đồ hải sản.

Thuyền Nghinh Ông hay còn gọi là ghe chủ đã được Hội Vạn lạch chọn từ trước và được trang trí lộng lẫy hơn tất cả các tàu thuyền khác. Thuyền nghinh là từ tất cả ghe tàu đánh bắt của ngư dân chọn ra, trong đó người chủ thuyền nghinh trong năm không có tang chế và đánh bắt bội thu trong mùa trước. Ngoài ra, tham gia lễ hội Nghinh Ông còn có tàu của công an, bộ đội biên phòng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự giúp buổi lễ Nghinh Ông trên biển diễn ra an toàn, tốt đẹp. Đoàn lễ rước nghinh gồm có: ban quý tế (chánh bái, phó bái); ban bồi bái (văn lễ), đào thải, lễ sinh (học trò lễ), ban nhạc lễ, lính áp hầu khiêng bàn nghinh. Bên trong bàn nghinh có bài vị thờ Ông Thủy tướng, lư hương, chân đèn, cùng với lễ vật cúng Ông gồm: xôi, chè, lòng heo, thịt heo luộc (hoặc vịt luộc), trái cây, bình bông, trầu cau, gạo muối, rượu, trà, bánh... Riêng lư hương có cắm các bài vị với giấy đỏ viết chữ Hán bằng mực đen, được dịch nghĩa như sau: Hà bá thủy quan tôn thần; Nam hải cự tộc ngọc lân thủy tướng; Thủy long thần nữ nương nương tôn thần; Tam vị Công tử chi vị; Chiến sĩ trận vong các vị.

Đúng 10 giờ ngày 16 tháng 8 âm lịch, lễ Nghinh Ông trên biển chính thức diễn ra. Thuyền nghinh Ông luôn dẫn đầu đoàn ghe và không một chiếc thuyền nào khác tham gia lễ hội được phép vượt qua. Ngày xưa, khi còn cá Ông sinh sống ở khu vực này, mỗi khi thuyền nghinh thấy cá Ông phun nước (gọi là Ông dọi) thì bắt đầu làm lễ cúng. Ngày nay, do không còn cá Ông nên khi đoàn thuyền nghinh ra tới nơi "tam giang khẩu" thì nghi lễ cúng rước Ông chính thức diễn ra. Theo lời ông Vạn trưởng Ngô Văn Dị thì chọn "tam giang khẩu" làm nơi để cúng Ông là điểm khác

biệt của lễ cúng Ông trên biển tại Cần Giờ với lễ cúng Ông trên biển ở các nơi khác như: Bình Thuận, Bến Tre, Tiền Giang, Cà Mau... khi mà các nơi này chọn nơi dừng cúng Ông bằng cách xin keo, còn tại Cần Giờ không xin keo mà chọn tam giang khẩu, nơi gặp nhau của ba dòng nước: Thị Vải, Soài Rạp, Lòng Tàu. Chính nơi giáp nhau của ba con nước này là điều kiện thuận lợi để sinh vật phù du sinh sống và phát triển, mà cá Ông là động vật ăn sinh vật nhỏ vì vậy đây cũng là điểm mà cá Ông sinh sống nên chọn "tam giang khẩu" làm điểm dừng ghe cúng Ông là hợp lý. Đây chính là điểm khác biệt thứ ba của lễ hội Nghinh Ông huyện Cần Giờ với các nơi. Như vậy, Lễ cúng Ông trên biển tại Cần Giờ không chỉ mang nét riêng về hình thức mà còn mang nét riêng cả về nội dung cúng tế.

Khi đến tam giang khẩu, Tiên sư (người lớn tuổi nhất trong nghi lễ) với áo dài khăn đóng thật chỉnh tề là người đứng ra tiến hành nghi lễ, cụ thể gồm các bước: lễ thượng hương, lễ châu rượu, lễ đọc sớ, lễ thượng trà. Khi đọc xong tờ sớ thì một bô lão sẽ đốt tờ sớ và vãi tro xuống biển, như vậy thì Ông mới nhận được lời thỉnh cầu của ngư dân. Khi nghi lễ kết thúc, đoàn tàu rước Ông quay đầu hướng về đất liền thì một bô lão được cử ra đốt giấy tiền vàng bạc và vãi gạo, muối xuống biển cầu mong Ông mang điềm phước lành về cho họ, cũng như bày tỏ lòng cảm ơn đối với những oan hồn và những binh tôm tướng cá đi theo phụ tá cho Ông. Sau đó thuyền nghinh bắt đầu quay đầu vào bờ, và đoàn ghe thuyền đi nghinh sẽ di chuyển thành một vòng tròn trong tiếng trống, chiêng vang dội cùng với tiếng reo hò của ngư dân nhằm mừng Ông đã từ ngoài khơi trở về với đất liền. Tham gia đoàn rước Ông về gồm có: đoàn lân sư rồng, đoàn thiếu nhi của huyện, các bô lão trong Hội Vạn lạch, các cấp lãnh đạo chính quyền địa phương, những binh tôm tướng cá và đội ngũ cà kheo. Khi kiệu Ông về đến lăng thì đội hình khiêng kiệu Ông phải nhún ba lần tương tự như xá ba xá mới chính thức được đưa kiệu vào trong lăng. Sự thể hiện này cũng giống như là nghi lễ ra mắt của Ông đến một nơi ở mới. Sau đó, diễn ra

lễ Túc yết hay người ta còn gọi là đại lễ cổ truyền, lễ Nghinh thần (bao gồm lễ Xây châu và lễ Đại bội). Xét về nghệ thuật biểu diễn cúng Ông, mỗi vùng có những đặc trưng khác nhau. Tại lễ hội Nghinh Ông Cần Giờ, hát bội là một trong những hình thức sinh hoạt văn hóa góp phần làm nên đặc trưng lễ hội Nghinh Ông và hát bội nằm trong phần Đại lễ cổ truyền.

Ngày 17 tháng 8 âm lịch là ngày cuối cùng trong mùa lễ hội. Ngay sau nghi thức cúng Đại lễ cổ truyền kết thúc là nghi lễ tạ ơn thần, đây cũng là nghi thức cúng kết thúc của những ngày diễn ra lễ hội. Tất cả các ban chủ sự đứng ra làm đại lễ và thắp nhang cúng Ông với những nghi thức lễ tương tự như lúc rước Ông về. Đến đây thì lễ hội Nghinh Ông truyền thống của ngư dân Cần Giờ chính thức khép lại.

3. Tín ngưỡng thờ cúng cá Ông trong đời sống người dân Cần Giờ

3.1. Ý nghĩa của việc thờ cúng cá Ông

Do vị trí thuận lợi gắn liền với cuộc sống sông nước, lại là cảng thị sơ khai và là một trung tâm giao lưu thương mại phát triển mạnh mẽ, nên trải qua thời gian phát triển của lịch sử cùng với sự giao lưu tiếp biến, người Cần Giờ đã xem biển mà đặc biệt là cá Ông trở thành đối tượng để thờ cúng và là một phần không thể thiếu trong đời sống tâm linh của mình.

Trong thế giới vũ trụ bao la này, nhất là đối với biển cả, con người rất nhỏ bé, có rất nhiều điều mà con người không thể lý giải được cũng như không thể chế ngự được nên họ vẫn luôn đi tìm chỗ dựa sức mạnh tinh thần, niềm tin tâm linh vô hình mà gắn ghép vào đó. Từ thời nguyên thủy, hình thức này đã ra đời và được gọi là Totem giáo. Lễ hội Nghinh Ông cũng bắt nguồn từ bái vật giáo, rồi dần dần chuyển sang tín ngưỡng đa nguyên với sự dung hòa của các tôn giáo như Phật giáo, Nho giáo, qua đó phản ánh một tinh thần tự do tín ngưỡng của các cư dân trong quá trình tranh đấu ở vùng đất mới. Vì thế đây là một tín ngưỡng vừa có nhiên thần, vừa có nhân thần, có cả thủy thần và thổ thần, trong đó thủy thần giữ vai trò chủ đạo. Thông qua tín ngưỡng thờ cúng cá Ông, ta thấy ngư

ngiệp giữ vai trò chủ đạo trong đời sống kinh tế, xã hội của người dân ở đây.

Dù giải thích ở khía cạnh nào đi chăng nữa, chúng ta phải thừa nhận một điều, việc thờ cúng cá Ông là hình thức thể hiện tâm linh của ngư dân nhằm cầu mong sự bình an, hạnh phúc và cuộc sống ấm no mà hình thức biểu hiện của tín ngưỡng chính là lễ hội Nghinh Ông. Bên cạnh đó, tín ngưỡng này còn thể hiện truyền thống đền ơn đáp nghĩa của những người con miền biển đối với biển cả, nơi đã nuôi sống họ trong thời gian qua. Vì thế, việc tổ chức lễ hội Nghinh Ông còn phản ánh niềm khát khao mộc mạc, chân thành của người dân và ta thấy trong khoảnh khắc này, khoảng cách giữa thần linh và đời sống dân dã dường như không còn nữa. Lễ hội đồng thời còn là sự cố kết nhằm gắn bó cộng đồng ngư dân lại với nhau thông qua Vạ, Lạch. Lễ hội Nghinh Ông Cần Giờ cũng là dịp để ngư dân nghỉ ngơi, vui chơi giải trí sau những ngày đi biển gian khổ, là dịp để họ có thời gian ngồi ôn lại những chuyện xưa, kể chuyện nay, qua đó truyền lại những kinh nghiệm đi biển cho nhau và cho con cháu, là dịp học cách vượt qua những nguy hiểm, bảo toàn tính mạng bản thân và bạn chài, từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất đánh bắt thủy hải sản. Đây là hoạt động mang ý nghĩa sâu sắc về giáo dục tình cảm yêu thương, chia sẻ ngọt bùi trong cuộc sống của cộng đồng cư dân.

Lễ hội còn nhằm giữ gìn truyền thống, phong tục tập quán của ông bà tổ tiên ở Cần Giờ trong quá trình khai phá, xây dựng vùng cửa sông vịnh biển, vùng đất thường xuyên ngập mặn, và việc thờ phụng cúng tế hằng năm là để nhớ ơn cá Ông đã cứu người gặp nạn trên biển, đồng thời tỏ lòng biết ơn Ông đã ban cho ngư dân cuộc sống bình an. Đây còn là dịp cầu quốc thái dân an, cầu mưa thuận gió hòa, cầu một năm đánh bắt được nhiều tôm cá cũng như cầu mong thiên nhiên mang lại sự thuận lợi cho cuộc sống lao động sản xuất nói chung. Chính vì vậy, đây là hoạt động tín ngưỡng tâm linh và cũng là một dạng hình tiêu biểu về văn hóa phi vật thể thuộc loại hình lễ hội truyền thống của người dân huyện Cần Giờ. Vì những giá trị sâu sắc mà tín ngưỡng đem lại, những

người làm ngư nghiệp nói riêng cũng như nhân dân ở huyện Cần Giờ nói chung, đã xem Lễ hội Nghinh Ông ở thị trấn Cần Thạnh huyện Cần Giờ là lễ hội truyền thống của họ và đặc biệt hơn là họ xem đây là Tết Biển, một ngày lễ hội có quy mô lớn hơn cả Tết Nguyên đán. Vì vậy, hằng năm cứ vào ngày 15 tháng 8 âm lịch, người dân Cần Giờ lại nhộn nhịp như trẩy hội, thông qua đó, các nghi thức lễ truyền thống có giá trị lịch sử văn hóa được phục hồi, sinh hoạt hội kết hợp với hoạt động mang đậm nét văn hóa dân gian truyền thống và sinh hoạt văn hóa mang tính hiện đại nhưng không mất đi sự trang nghiêm, bản sắc, giá trị của lễ hội đã và đang được phát huy. Ngoài ra, thông qua nghiên cứu tín ngưỡng thờ cúng cá Ông ở Cần Giờ, chúng ta còn biết được lịch sử hình thành và phát triển kinh tế văn hóa của cửa biển Cần Giờ, nơi giao thương kinh tế và giao lưu văn hóa sâu sắc một thời của vùng "thường ngày có thuyền buôn ra vào, làm chỗ hải hội rất đông đúc cho thành Gia Định, không đâu sánh được" (Trịnh Hoài Đức 1972).

3.2. Văn hóa biển và ảnh hưởng của nó trong đời sống người dân Cần Giờ

Khi nói đến văn hóa biển tức là nói đến những yếu tố văn hóa có liên quan đến biển, tức là chỉ những nội hàm trong đời sống tinh thần, vật chất, các hoạt động xã hội, các hành vi mà con người dựa vào biển mà có. Bản chất của văn hóa biển chính là mối quan hệ tác động qua lại giữa con người với biển và kết quả của nó. Do đó, dưới những góc độ khác nhau, chúng ta sẽ thấy văn hóa biển và đặc trưng của nó sẽ có những điểm khác nhau. Cụ thể như đứng dưới góc độ thể hiện của văn hóa biển trong đời sống kinh tế xã hội thì đặc trưng của nó là tính trọng thương mại, tính cởi mở và tính hướng ngoại; còn đứng ở góc độ hấp thụ văn hóa nước khác thì đặc sắc của văn hóa biển đó là tính đa nguyên và tính dung hợp; đứng ở góc độ văn hóa dân tộc biển thì đó là tính dân tộc, tính địa vực, tính trôi nổi, tính biến dị thay đổi, tính nghề nghiệp, tính công lợi, tính thần bí và tính bao dung. Những đặc tính này tuy không thấy được sự chặt chẽ, hoàn thiện và thành thực nhưng đều cho thấy bản chất bên trong của văn hóa biển,

tối thiểu là bên trong của một bộ phận và là cơ sở để chúng ta tiến thêm một bước nghiên cứu về văn hóa biển.

Từ những đặc điểm đó, chúng ta lại thấy được ảnh hưởng của biển đến đời sống của những cộng đồng người lấy biển làm kế sinh nhai vô cùng to lớn. Biển ảnh hưởng lớn đến hoàn cảnh sinh tồn và điều kiện khí hậu của đại bộ phận các khu vực sống, thậm chí biển sẽ ảnh hưởng đến nội hàm văn hóa và đặc trưng về ngoại hình, thể chất và đặc điểm hình thành của các tộc người. Điều này đã được chứng minh thông qua mối quan hệ giữa khởi nguồn văn minh nhân loại và biển. Biển còn ảnh hưởng đến quan niệm, tín ngưỡng, phương thức tư duy và thẩm mỹ quan của nhân loại. Tất cả những điều này đều là biển cả ban cho con người, do đó các dân tộc ven biển và văn hóa của họ thường mang đậm phong vị của biển.

Ảnh hưởng tiếp theo của biển đó là trên phương diện sinh sống mà biểu hiện của nó thể hiện thông qua các mặt sau: thói quen và kết cấu ẩm thực, phương pháp và quan niệm trong trị liệu y học, quan niệm cảm thụ về trang phục và việc chế tạo các vật dụng sinh hoạt hằng ngày, kiểu dáng cư trú trong đó bao gồm cả kết cấu và trang trí, công cụ giao thông đi lại, hôn nhân và kết cấu tổ chức gia đình, phương thức và nội dung của các lễ hội cũng như văn hóa giải trí, phong tục và những điều cấm kỵ. Ngoài ra biển còn ảnh hưởng đến việc sáng tạo nghệ thuật, ngôn ngữ, những phát minh khoa học và sự khuếch trương giao lưu giữa các dân tộc, các vùng miền, các quốc gia với nhau.

Vì vậy, khi nói đến văn hóa biển Cần Giờ, trước hết phải đề cập đến những giá trị văn hóa do điều kiện tự nhiên ở đây mang lại. Với bờ biển dài gần 20 km và một vùng biển rộng 23.000 ha mặt nước, đây là nơi chứa đựng nguồn tài nguyên sinh vật biển đa dạng và phong phú về chủng loài. Cùng với bờ biển dài và rừng ngập mặn bao phủ dày đặc đã tạo nên những danh thắng thiên nhiên hấp dẫn, như: khu du lịch Vàm Sát, đảo khỉ, bãi biển 30/4, lăng ông Thủy Tướng,... Có thể nói những sản phẩm văn hóa vật chất và tài nguyên du lịch biển đặc sắc đã góp phần hình thành một

không gian văn hóa biển đảo Cần Giờ độc đáo và làm phong phú thêm diện mạo bức tranh không gian văn hóa biển đảo nước ta.

Ngoài những giá trị văn hóa ấy, biển Cần Giờ còn thể hiện những nét văn hóa đặc thù mang đậm yếu tố biển của cộng đồng ngư dân ven biển. Do họ tụ cư ở môi trường địa lý khá đặc biệt, một môi trường mà xung quanh là rừng ngập mặn và sông ngòi chằng chịt, phía trước mặt là biển, vì vậy, cư dân ven biển đã không ngừng chinh phục, khai thác tài nguyên của sông, biển để phục vụ cho cuộc sống, cho quá trình lấy biển làm nguồn sống chính của mình. Trải qua hàng trăm năm làm chủ một vùng biển cả mênh mông, họ đã đúc kết nên nhiều nghề đánh bắt hải sản, từ việc đánh bắt hải sản ở bãi ngang, trong lộng đến việc đánh bắt ngấn ngáy ở ngoài khơi. Bên cạnh nghề khai thác cá, thì nghề nuôi trồng và chế biến hải sản cũng khá phát đạt.

Hơn nữa cư dân ven biển Cần Giờ không chỉ chinh phục và khai thác biển khơi bằng những kinh nghiệm mà còn bằng tất cả nghị lực và cốt cách của mình. Biển đối với họ không chỉ là nơi cung cấp cá, muối,... cho cộng đồng cư dân mà còn là nơi rèn đúc cốt cách và bản lĩnh của con người nơi đây. Những phẩm chất quý giá của cộng đồng những người quen sinh sống, đối mặt với sóng to, gió lớn, bão tố như: dũng cảm, kiên cường, thông minh, nhanh nhẹn, mạo hiểm... đã được hình thành và ngày càng được củng cố, vun đắp để thế hệ sau hơn thế hệ trước, tạo nên sức sống mãnh liệt giúp họ có đủ nghị lực vượt qua những thử thách nơi đầu sóng ngọn gió.

Bên cạnh giá trị văn hóa vật thể, không gian văn hóa biển đảo Cần Giờ còn bảo lưu được những di sản văn hóa phi vật thể phản ánh sâu sắc cuộc sống tinh thần của cư dân vùng biển. Đầu tiên có thể nhận thấy biển đi vào đời sống văn hóa của họ qua việc tổ chức lễ hội thờ cúng cá Ông hằng năm, đi cùng với nó là các trò chơi, loại hình diễn xướng dân gian phong phú, đa dạng. Chính cuộc sống quanh năm gắn liền với môi trường sông nước, nhuộm màu sắc của biển cả, cư dân làng biển Cần Giờ đã

sáng tạo nên những câu hò, vè, câu đố cũng như tục ngữ ca dao nhằm đúc kết kinh nghiệm sống và truyền đạt lại cho thế hệ sau như: vè nghề muối, vè gốc cây khô, các câu truyện kể về sự hình thành hệ thống cù lao trên biển Cần Giờ, ví dụ như:

- Gió nam nước hôm, gió nồm nước mai.
 - Tôm đi chạng vạng, cá đi rạng đông.
 - Chim chết vì náy, cá chết vì nước.
 - Ai đi Vàm Sát, rạch Già
 Dưới sông lênh sấu, trên là hùm beo.
 - Bao giờ cầu ván gãy đôi
 Sông Nhà Bè cạn nước, anh mới thôi yêu nàng.
 - Bình tàu khói bao nhiêu không biết
 Dân Cần Giờ ngụ tại Giồng So
 Đèn Cần Giờ vừa lu, vừa tỏ
 Tàu lớn, tàu nhỏ thấy rõ mà vào.
 - Núi gập ai xô cho ngã
 Biển Cần Giờ ai lấp cho đầy
 Cầu Lý Nhơn cầu bắc bằng ván
 Đất Lý Nhơn tuy chặt mà đông
 Anh trách em sao dạ hai lòng
 Thay tình ái như thay khăn đổi áo.
 - Tháng tám thì sửa bờ bao
 Tháng chín bừa chại, tháng mười khởi công
 Đến nay buồn bực trong lòng
 Nghĩ mình thất bại làm công dã tràng
 Tưởng đâu có muối huy hoàng
 Ngờ đâu hết muối còn bàn tay không
 Việc làm nào có nại công
 Lăn khuôn quạt nước ngoài đồng suốt năm
 Gạo thì mua phải bạc trăm
 Muối bán bạc chục miệng ăn chứ gì...

Ngoài kho tàng truyện kể, thơ ca dân gian, câu đố, câu hò phong phú về nghề biển còn có các tri thức chữa bệnh bằng thủy sản, cây cỏ. Nhờ có kho tàng văn hóa cổ truyền này mà ý thức cộng đồng thôn xã được ý thức mạnh mẽ và củng cố, niềm tin về một cuộc sống ổn định được hình thành. Từ đó những truyền thống đạo đức như tinh thần cứu trợ, đùm bọc và tận tâm giúp đỡ nhau trong cuộc sống, tính chất phác, chung thủy, trọng nghĩa cử của người Cần Giờ đã được hun đúc và lưu truyền trong các thế hệ gia đình Cần Giờ. Bên cạnh đó còn là những điều cấm kỵ do ảnh hưởng đến hoạt động nghề biển giống như ngư dân ở

các khu vực khác như: những gia đình sống bằng nghề đi biển khi ăn cá, nếu đã ăn hết phần trên thường họ không lật con cá lại mà dùng đũa gỡ xương, rồi gắp tiếp phần còn lại, trên thuyền không úp chén bát và những dụng cụ khác,... Trong lời nói hằng ngày, họ cũng tránh dùng những từ như: úp, lật, đổ, sảy, sa, rớt, rơi, trở... bởi họ sợ nói những từ đó, khi đi biển sẽ gặp nhiều điều không may. Ngoài ra, nếu họ đánh bắt được nhiều cá cũng không nói cá nhiều, không nói trúng hoặc lằm cá. Đánh không được cũng không nói biển không có cá...

Sống trên biển, mưu sinh lợi ích từ biển, ngoài công cuộc chinh phục, khai thác tài nguyên của biển, ngư dân Cần Giờ còn có nhiệm vụ hết sức quan trọng là giữ gìn, bảo vệ chủ quyền lãnh hải của Tổ quốc. Những chuyến vượt biển ra khơi đánh bắt hải sản chính là cơ sở cho việc xác lập và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo. Tự hào về truyền thống văn hóa biển, về thành tựu khai thác và chinh phục biển của cha ông, ngư dân Cần Giờ có trách nhiệm với biển, từ đó khẳng định giá trị, tầm ảnh hưởng to lớn của biển trong đời sống nhân dân Cần Giờ cũng như vai trò của người dân đối với biển. Ngoài ý nghĩa vui chơi, giải trí, lễ hội tín ngưỡng cũng là dịp để tái hiện lại cuộc sống và lao động của những người làm nghề biển. Thông qua đó, lễ hội gửi gắm những ước mơ, khát vọng về tâm linh, mong muốn những mùa cá bội thu và cuộc sống thanh bình no ấm, cũng như thể hiện tinh đoàn kết cộng đồng, tinh thần thượng võ, dám vươn ra biển lớn của con người nơi đây. Điều quan trọng là lễ hội đã tạo động lực, niềm tin, tiếp thêm sức mạnh cho những con người ngày đêm sống trên sóng nước biển khơi bảo tồn và lưu giữ các giá trị văn hóa biển đảo của quê hương, đất nước. ■

Chú thích

- (1) Chính là Ăn Thịt, vì ngày xưa ở vùng ngập nước từ tổng An Thịt đến tổng Cần Giờ có nhiều cạp sinh sống và ăn thịt người, nên người dân gọi vùng này là Ăn Thịt, sau đọc trại thành An Thịt.
- (2) Ngư cụ đánh cá lưới đăng gồm có hàng rào (rào), lưới và xiên.
- (3) Đáy hàng là hàng rào làm bằng những chiếc cọc lớn cao hơn mặt thủy triều khi lên một chút, giữa các

cọc có giăng những mạng lưới để lùa cá vào rọ. Lưới đan bằng gai thật tốt, mắt lưới rộng từ 4 cm đến 5 cm. Mỗi chiếc lưới thường dài tới 10 m và đường kính ở cửa lưới rộng tới 5 m. Lưới được cột vào hai cọc đầu và cuối hàng rào, hai cọc này cách nhau 10 m, vừa làm chòi canh vừa là nơi ẩn nấp khi sóng to gió lớn.

(4) Đánh cá bằng nò cũng giống như đánh cá bằng đáy hàng, nhưng chỉ đặt ở bãi biển nổi lên khi thủy triều rút xuống. Mỗi hàng rào dài tới 300 m. Các hàng rào không đặt thẳng ngang mà cho cong thành một đường vòng, ở đáy các cọc đóng sát vào nhau. Cá sẽ dón vào đó khi thủy triều hạ xuống.

(5) Đánh cá bằng rung: rung cũng như lưới nhưng to hơn nhiều. Rung dài tới 150 m. Một tàu đánh cá tung lưới ra biển rồi đi một vòng khép kín. Ngư dân kéo dần hai đầu lưới lại để thu gom cá lọt vào trong rung.

(6) Xịt là một chiếc lưới mắc vào hai cây tre buộc với nhau thành chữ thập. Xịt thường dài 4 m và rộng 3 m.

(7) Đánh cá bằng câu ông: câu ông là một chiếc cần câu lớn mà mỗi ở góc câu là một con tôm.

(8) Theo báo cáo công tác năm 2014 của UBND huyện Cần Giờ.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh (1985), *Báo cáo công tác xây dựng huyện Duyên Hải*.
2. Nguyễn Công Bình (1998), "Sự phát triển của cộng đồng dân tộc Việt Nam trong khai phá đất Đồng Nai - Gia Định" trong *Góp phần tìm hiểu lịch sử văn hóa 300 năm Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh*, Viện Khoa học xã hội, Tp. Hồ Chí Minh.
3. Trần Bạch Đằng, Dương Minh Hồ (1993), *Lược sử huyện Cần Giờ*, Nxb. Khoa học xã hội, Tp. Hồ Chí Minh.
4. Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định thành thông chí*, bản dịch, Sài Gòn.
5. Nguyễn Thị Hậu (2012), *Văn hóa khảo cổ huyện Cần Giờ Thành phố Hồ Chí Minh*, Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Hoàng Văn Lễ (2006), *Lịch sử phát triển huyện Cần Giờ Thành phố Hồ Chí Minh thời đầu Đổi mới 1986 - 2000*, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.
7. Nguyễn Thăng Long (2009), "Nhìn lại tục thờ cúng Cá Ông của người Việt ở miền Trung Việt Nam", *Hội thảo khoa học Nhận thức về miền Trung Việt Nam - hành trình 10 năm tiếp cận*, Viện Văn hóa nghệ thuật Việt Nam - Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại Huế, tr. 135.
8. Nguyễn Thanh Lợi (2003), "Giao lưu văn hóa Việt - Chăm, nhìn từ tục thờ cá ông", *Tạp chí Văn hóa dân gian* số 2, tr. 24 - 27.
9. Phạm Hữu Mỹ (2007), *Lễ hội Nghinh Ông huyện Cần Giờ Thành phố Hồ Chí Minh*, Trung tâm Bảo tồn và Phát huy giá trị di tích Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Châu Đạt Quan (2006), *Chân Lạp phong thổ ký*, bản dịch, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
11. Nguyễn Minh San (1994), *Tiếp cận tín ngưỡng dân dã Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

NCS. NGUYỄN MINH NGUYỆT
Trường Đại học Hạ Môn, Trung Quốc